

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 222-HĐBT ngày 23-7-1991 ban hành Quy định về cụ thể hóa một số điều trong Luật Công ty.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Luật Công ty đã được kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990;

Đề thực hiện Luật Công ty,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành Nghị định này kèm theo Quy định về cụ thể hóa một số điều trong Luật Công ty.

Điều 2. — Nghị định này thi hành từ ngày ban hành, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thực hiện Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

QUY ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng cụ thể hóa một số điều trong Luật Công ty (ban hành kèm theo Nghị định số 222-HĐBT ngày 23-7-1991 của Hội đồng Bộ trưởng).

Điều 1. — Vốn pháp định đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần trong từng ngành, nghề nói tại điều 3 Luật Công ty được quy định trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. — Các Công ty (Xí nghiệp liên doanh) đã được thành lập trước đây theo Nghị định số 28-HĐBT ngày 22-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng, nếu có đủ các điều kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn hay Công ty cổ phần đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Công ty.

Điều 3. — Những đối tượng sau đây không được thành lập hoặc tham gia quản lý Công ty:

— Công chức đang làm việc trong cơ quan hành chính Nhà nước theo Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về công chức Nhà nước số 169-HĐBT ngày 25-5-1991.

— Những người đang giữ các chức vụ trong bộ máy chính quyền các cấp theo chế độ bầu cử.

— Cán bộ quản lý các Liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp quốc doanh.

— Sĩ quan tại ngũ thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 4. — Công ty muốn kinh doanh một số ngành nghề do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép theo quy định tại điều 11, Luật Công ty, phải làm đơn gửi đến Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, quyết định. Căn cứ quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi tắt là Ủy ban Nhân dân tỉnh) cấp giấy phép thành lập Công ty. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, trả lời đơn xin phép thành lập Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được đơn hợp lệ.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét và cấp giấy phép thành lập Công ty trong những trường hợp sau đây :

— Sản xuất thuốc chữa bệnh; phân hóa học; thuốc trừ sâu, trừ mối; sản xuất các loại pháo.

— Sản xuất và cung ứng điện (không thuộc mạng lưới điện quốc gia).

— Dịch vụ truyền thanh, truyền hình, xuất bản trong phạm vi địa phương.

Khi xem xét cấp giấy phép thành lập Công ty theo thẩm quyền của mình, Ủy ban Nhân dân tỉnh phải trao đổi với Bộ quản lý ngành để thống nhất ý kiến. Trong trường hợp không thống nhất ý kiến thì báo cáo đề Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 5. — Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, Trọng tài kinh tế tỉnh phải cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty. Khi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty, Trọng tài kinh tế tỉnh được thu một khoản lệ phí do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

Điều 6. — Công ty kinh doanh các ngành, nghề dưới đây được Nhà nước khuyến khích theo quy định tại điều 7:

1. Sản xuất các sản phẩm thiết yếu cho sản xuất và đời sống, hàng xuất khẩu :

— Sản xuất lương thực, thực phẩm trên những địa bàn được quy hoạch làm hàng xuất khẩu.

— Sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu (kể cả thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế).

— Sản xuất hàng dệt, may mặc, da giày, thủ công, mỹ nghệ xuất khẩu là chủ yếu.

— Khai thác, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản xuất khẩu.

— Sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản phẩm.

— Sản xuất các loại hóa chất cơ bản; phân hóa học; thuốc trừ sâu, trừ mối.

— Trồng rừng và khai thác các vùng đất trống, đồi trọc, mặt nước để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

2. Sản xuất và sửa chữa các phương tiện vận tải và vận tải :

— Đóng mới phương tiện vận tải chuyên dùng, đầu máy, toa xe thay thế phương tiện nhập khẩu.

— Sửa chữa các phương tiện vận tải chuyên dùng.

— Vận tải hàng hóa phục vụ các tỉnh miền núi, hải đảo.

3. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ chung cả nước hoặc trên địa bàn lãnh thổ.

Điều 7. — Công ty kinh doanh các ngành, nghề nói tại điều 6 được Nhà nước khuyến khích bằng các chính sách :

— Ưu đãi trong việc xem xét giải quyết đất xây dựng cơ sở sản xuất mới hoặc mở rộng cơ sở sản xuất hiện có, theo Luật Đất đai hiện hành.

— Ưu tiên trong việc vay vốn của Ngân hàng đầu tư để xây dựng cơ sở sản xuất mới hoặc mở rộng cơ sở sản xuất hiện có và mua sắm thêm thiết bị cần thiết cho sản xuất.

— Miễn thuế, giảm thuế theo quy định trong các Luật và Pháp lệnh thuế hiện hành.

— Được tạo điều kiện thuận lợi trong việc xuất nhập khẩu, nhất là xuất khẩu các sản phẩm do cơ sở mình sản xuất; trong việc hợp tác, liên doanh với nước ngoài theo Luật đầu tư; trong việc ra nước ngoài để tiếp cận thị trường, nghiên cứu học tập công nghệ mới.

Công ty kinh doanh các ngành, nghề được khuyến khích nếu muốn hưởng các khuyến khích này phải làm đơn gửi đến Ủy ban Nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 8. — Công ty kinh doanh các ngành, nghề dưới đây phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện do các Bộ quản lý ngành và Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định:

1. Các ngành, nghề do các Bộ quy định các điều kiện cụ thể:

— Năng lượng,

— Một số lĩnh vực thuộc ngành khai khoáng,

— Luyện kim,

— Sản xuất, lắp ráp điện tử,

— Sản xuất, lắp ráp động cơ điện, biến thế điện, dụng cụ đo điện,

— Sản xuất, lắp ráp, đóng mới các phương tiện vận tải cơ giới và thủ công,

— Sản xuất các sản phẩm nhựa và cao-su,

— Sản xuất hóa chất cơ bản; phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, trừ mối,

— Sản xuất, chế biến các loại dược phẩm, các loại thuốc chữa bệnh (cả đông

và tây y), các loại mỹ phẩm có ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân.

— Chế biến lương thực, thực phẩm, nước giải khát,

— Khai thác, chế biến hải sản,

— Khai thác lâm sản.

— Vận tải liên tỉnh, vận tải quá cảnh, vận tải thủy.

2. Các ngành, nghề do các Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định các điều kiện cụ thể cho phù hợp với đặc điểm kinh tế—xã hội của từng địa phương:

— Sản xuất gạch, ngói nung,

— Sử dụng lò hơi, máy búa, thuốc nổ, khí nén, các chất (không thuộc khoản 1 điều 8) có khí độc thoát ra.

— Sử dụng nguồn nước và xử lý các chất thải công nghiệp.

Điều 9. — Các Bộ quản lý ngành, các Ủy ban Nhân dân tỉnh phải rà soát lại ngay các quy định đã ban hành để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, hoàn chỉnh các điều kiện cụ thể và hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện. Công ty nào không bảo đảm các điều kiện cụ thể đã ban hành thì Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu Công ty phải chấn chỉnh, tổ chức lại, hoặc tạm đình chỉ hoạt động của Công ty cho đến khi bảo đảm các điều kiện cụ thể đã quy định hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 10. — Các Công ty đã thành lập trước ngày Luật Công ty có hiệu lực đều phải làm lại các thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh và đăng báo theo Luật định và theo các quy định của Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

DANH MỤC

Vốn pháp định đối với từng ngành, nghề

(Ban hành kèm theo Nghị định số 222-HĐBT ngày 23-7-1991 của Hội đồng Bộ trưởng cụ thể hóa một số điều quy định trong Luật công ty).

(Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam tính theo thời giá đầu năm 1991. Nếu giá cả biến động trên 50% thì Hội đồng Bộ trưởng sẽ điều chỉnh cho phù hợp)

Ngành nghề	Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty cổ phần
1	2	3
1 — Khai thác một số lĩnh vực thuộc ngành khai khoáng.	1.300	1.500
2 — Điện:		
— Thủy điện	300	500
— Nhiệt điện	200	300
— Mạng lưới điện	150	200
— Cung ứng điện	100	150
3 — Luyện kim:		
— Luyện, cán, kéo kim loại đen	1.200	1.500
— Luyện, cán, kéo kim loại màu, kim loại quý	1.300	1.500
4 — Cơ khí:		
— Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, công cụ	1.000	1.000
— Sản xuất sản phẩm cơ khí tiêu dùng	500	500
— Sửa chữa sản phẩm cơ khí	300	300
5 — Điện tử:		
— Sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện tử	300	400
— Sửa chữa sản phẩm điện tử	200	200
6 — Hóa chất:		
— Sản xuất sản phẩm hóa chất, hóa chất cơ bản phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc trừ mối	1.200	1.500
— Sản xuất thuốc chữa bệnh	150	200
7 — Dệt nhuộm:		
— Chế biến sợi, len	300	500
— Dệt thủ công, bán cơ khí	300	500
— Nhuộm vải, sợi, len, dạ...	300	500
— Dệt máy, dệt kim, dệt len	300	500
8 — May:		
— May thông thường	300	500
— May công nghiệp	300	500
9 — Hàng tiêu dùng:		
— Sản xuất nguyên liệu da, vải giả da và sản phẩm bằng da, vải giả da	200	300

09652856

1	2	3
-- Sản xuất nguyên liệu cao-su nhựa và sản phẩm bằng cao-su nhựa	200	300
- Sản xuất hàng gốm, sứ, thủy tinh	150	200
- Sản xuất hàng mây, tre, day, cói...	200	300
- Sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ, mỹ phẩm	200	300
- Sản xuất nguyên liệu giấy, sản phẩm giấy các-tông	200	300
- Sản xuất dụng cụ y tế, thể dục, thể thao, nhạc cụ, đồ chơi trẻ em	150	200
10 - Chế biến lương thực thực phẩm:		
- Chế biến lương thực	50	150
- Chế biến thực phẩm	70	200
11 - Nông nghiệp:		
- Trồng trọt	50	100
- Chăn nuôi	50	50
12 - Lâm nghiệp:		
- Khai thác lâm sản	50	100
- Trồng rừng	70	200
- Chế biến lâm sản, sản xuất đồ gỗ	50	200
13 - Thủy sản, hải sản		
- Khai thác thủy, hải sản	400	1.000
- Chế biến thủy, hải sản	50	200
- Nuôi trồng thủy, hải sản	50	150
14 - Xây dựng:		
- Xây dựng công nghiệp	300	1.000
- Xây dựng dân dụng	200	600
- Sửa chữa nhà ở và trang trí nội thất	160	400
- Sản xuất vật liệu xây dựng	100	500
15 - Vận tải (đường thủy, đường bộ):		
- Vận tải hàng hóa	300	800
- Vận tải hành khách	200	500
16 - Thương nghiệp:		
- Buôn bán hàng tư liệu sản xuất	150	500
- Buôn bán hàng tư liệu tiêu dùng, thuốc chữa bệnh	100	300
- Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm	50	200
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	50	200
- Các cửa hàng dịch vụ	50	200
17 - Các cửa hàng ăn, giải khát	50	200
18 - Khách sạn	250	500

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
 K.T. Chủ tịch
 Phó Chủ tịch
 VÕ VĂN KIỆT

09652856